

VI. KIẾN NGHỊ

Cần tiến hành xác thực quy trình trên mẫu tế bào từ bệnh nhân thiếu carnitine nguyên phát nhằm đánh giá hiệu quả phát hiện trong điều kiện biểu hiện OCTN2 giảm. Nghiên cứu bổ sung có thể tích hợp phân tích định lượng bằng lưu lượng tế bào (flow cytometry) và các kỹ thuật hiển vi độ phân giải cao để hoàn thiện đánh giá định vị và mức độ biểu hiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Frigeni M, et al.** Functional and molecular studies in primary carnitine deficiency. *J Inher Metab Dis.* 2017;40(3): 457-65. doi:10.1007/s10545-017-0021-7.
2. **Rose EC, et al.** Genotype-phenotype correlation in primary carnitine deficiency. *Hum Mutat.* 2012;33(1):118-23. doi:10.1002/humu.21607.
3. **Koleske ML, et al.** Functional genomics of OCTN2 variants informs protein-specific variant effect predictor for carnitine transporter deficiency. *Proc Natl Acad Sci U S A.*

2022;119(42): e2210247119. doi:10.1073/pnas.2210247119.

4. **Magoulas PL, El-Hattab AW.** Systemic primary carnitine deficiency: overview of clinical manifestations, diagnosis, and management. *Orphanet J Rare Dis.* 2012;7:68. doi:10.1186/1750-1172-7-68.
5. **Longo N.** Primary carnitine deficiency and newborn screening for disorders of the carnitine cycle. *Ann Nutr Metab.* 2016;68(Suppl 3):5-9. doi:10.1159/000448321.
6. **Tamai I, et al.** Molecular and functional identification of sodium-dependent, high-affinity human carnitine transporter OCTN2. *J Biol Chem.* 1998;273(32): 20378-82. doi:10.1074/jbc.273.32.20378.
7. **Wu X, et al.** cDNA sequence, transport function, and genomic organization of human OCTN2. *Biochem Biophys Res Commun.* 1998;246(3):589-95. doi:10.1006/bbrc.1998.8669.
8. **Im K, et al.** An introduction to performing immunofluorescence staining. *Methods Mol Biol.* 2019;1897: 299-311. doi:10.1007/978-1-4939-8935-5_26.

KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ, THỰC HÀNH VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN HIẾN MÁU TÌNH NGUYÊN CỦA SINH VIÊN Y KHOA NĂM 2 TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG NĂM 2023

Vũ Văn Thái¹, Bùi Thị Hồng Anh¹, Vũ Minh Châu¹

TÓM TẮT

Nghiên cứu mô tả cắt ngang khảo sát trên 308 sinh viên Y khoa năm 2 tại trường Đại học Y Dược Hải Phòng để đánh giá kiến thức, thái độ và thực hành hiến máu tình nguyện, cùng các yếu tố liên quan. Kết quả cho thấy phần lớn sinh viên có kiến thức đạt về hiến máu tình nguyện (86,0%) và thái độ tích cực (86,0%), với động lực chính là giúp đỡ mọi người (90,9%); 89,6% sẵn sàng hiến máu. Về thực hành: 71,1% sinh viên đã từng hiến máu, tuy nhiên tần suất hiến máu lại còn thấp. Nghiên cứu chỉ ra rằng thái độ tích cực và việc tham gia Câu lạc bộ Vận động Hiến máu có mối liên quan đáng kể, thúc đẩy hành vi hiến máu tình nguyện. **Từ khóa:** Kiến thức, thái độ, Hiến máu tình nguyện, sinh viên y khoa.

SUMMARY

KNOWLEDGE, ATTITUDE, AND PRACTICE OF VOLUNTARY BLOOD DONATION AMONG SECOND-YEAR MEDICAL STUDENTS AT HAI PHONG UNIVERSITY OF MEDICINE AND

¹Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Chịu trách nhiệm chính: Vũ Văn Thái. 0988591310

Email: vvthai@hpmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 26.9.2025

Ngày phản biện khoa học: 23.10.2025

Ngày duyệt bài: 28.11.2025

PHARMACY IN 2023

A cross-sectional, descriptive survey of 308 second-year medical students at Hai Phong University of Medicine and Pharmacy to assess knowledge, attitude and practice of voluntary blood donation, along with related factors. The results showed that the majority of students had adequate knowledge about voluntary blood donation (86.0%) and positive attitude (86.0%), with the main motivation being to help people (90.9%); 89.6% were willing to donate blood. Regarding practice: 71.1% of students had donated blood, however, the frequency of blood donation was low. The study showed that positive attitude and participation in the Blood Donation Club were significantly related, promoting voluntary blood donation behavior. **Keywords:** Knowledge, Attitude, Voluntary blood donation (VBD), Medical Students.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiến máu tình nguyện là khi một người tự nguyện cho máu của mình để dùng cho mục đích truyền máu hay chế tạo Dược phẩm bằng quá trình phân đoạn (tách các thành phần trong máu). Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO), Việt Nam mỗi năm cần khoảng 2 triệu đơn vị máu dùng cho điều trị các chấn thương, tai nạn, phẫu thuật, cho người mắc các bệnh cần truyền máu.

Cứ mỗi 2 giây lại có những yêu cầu cần thiết liên quan đến truyền máu và trung bình cứ 7 người vào bệnh viện thì có 1 người cần tiếp máu. Tuy nhiên, hiện nay chúng ta chỉ mới đáp ứng được khoảng 70% nhu cầu này, nguồn máu dự trữ tại các trung tâm y tế và bệnh viện không đủ để cung ứng khi nhu cầu được truyền máu tăng cao, đặc biệt là trong thời gian hè, lễ, Tết [1], [2].

Tại Hải Phòng, 9 tháng đầu năm 2022, công tác hiến máu tình nguyện còn gặp nhiều khó khăn, song với nhiều biện pháp tích cực, phong trào hiến máu tình nguyện của thành phố Hải Phòng đã tổ chức được nhiều đợt hiến máu lưu động, vận động được 2125 đơn vị máu trong đó Câu lạc bộ Vận động Hiến máu trường Đại học Y Dược Hải Phòng thu được 2.494 đơn vị máu [3]. Sinh viên Y khoa là một nhóm người hiến máu tiềm năng. Nhưng có nghiên cứu chỉ ra việc thực hành hiến máu của sinh viên y khoa chưa tốt mặc dù có kiến thức và thái độ đối với hiến máu tình nguyện là tương đối tốt [4], [5]. Hiện nay chưa có nghiên cứu cụ thể nào về vấn đề hiến máu tình nguyện tại trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Xuất phát từ nhu cầu thực tế trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu: "*Kiến thức, thái độ, thực hành và một số yếu tố liên quan đến hiến máu tình nguyện của sinh viên Y khoa năm 2 trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2023*", với 2 mục tiêu:

1. Mô tả kiến thức, thái độ, thực hành về hiến máu tình nguyện của sinh viên Y khoa năm 2 trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2023
2. Mô tả một số yếu tố liên quan tới hiến máu tình nguyện ở sinh viên Y khoa năm 2 tại địa điểm nghiên cứu.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Sinh viên Y đa khoa năm 2 trường Đại học Y Dược Hải Phòng, đồng ý tham gia nghiên cứu.
- Tiêu chuẩn loại trừ:
 - + Người không có khả năng cung cấp thông tin chính xác.
 - + Người không đủ sức khỏe tham gia nghiên cứu,
- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 12/2023 đến tháng 12/2024
- Địa điểm nghiên cứu: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

2.2.2. Cỡ mẫu nghiên cứu:

- Cỡ mẫu được tính theo công thức sau:

$$n = Z^2_{1-\alpha/2} \frac{p.q}{d^2}$$

Trong đó:

n: Cỡ mẫu tối thiểu cần cho nghiên cứu

p: là tỷ lệ sinh viên có kiến thức đạt về hiến máu tình nguyện 88,4%; tỷ lệ có thái độ tích cực về hiến máu tình nguyện 97,5%; tỷ lệ sinh viên đã từng hiến máu 74,5% (theo nghiên cứu của Phạm Văn Trường, 2022) [6].

d: Độ chính xác mong muốn là 0,05

Thay vào công thức, chúng tôi tính ra được cỡ mẫu tối thiểu cho nghiên cứu $n = 292$ sinh viên. Để tăng mức độ chính xác và giảm sai số chúng tôi tiến hành nghiên cứu trên 308 sinh viên y đa khoa năm 2.

- Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu thuận tiện sinh viên y khoa năm 2 khi Nhà trường có tổ chức hiến máu trong thời gian nghiên cứu.

2.2.3. Phương pháp và công cụ đo lường, thu thập số liệu: Phương pháp thu thập thông tin bằng phiếu câu hỏi. Tổng hợp phiếu câu hỏi, loại bỏ các phiếu trả lời không đủ nội dung, hoặc chưa hỏi để đánh giá mức độ nhận thức, thái độ và hành vi.

2.3.4. Các chỉ số nghiên cứu:

- Thông tin chung: giới tính, lớp.
- Kiến thức: các kiến thức chung của sinh viên khi tham gia hiến máu tình nguyện (điều kiện tham gia hiến máu; khoảng cách tối thiểu giữa hai lần hiến máu; xét nghiệm sàng lọc; lượng máu hiến ở một người khỏe mạnh...).
- Thái độ: các thái độ của sinh viên khi tham gia hiến máu tình nguyện (Mục đích tham gia hiến máu, khuyến khích, động viên mọi người tham gia hiến máu,...)
- Thực hành: tham gia và tần suất tham gia hiến máu,...

2.4. Phương pháp xử lý số liệu. Các kết quả thu được phân tích và xử lý trên máy tính, theo phương pháp thống kê y sinh học và sử dụng phần mềm SPSS 26.0.

2.5. Đạo đức trong nghiên cứu. Nghiên cứu được tiến hành sau khi được Hội đồng KHCN xét duyệt đề cương đăng ký đề tài KH&CN cấp cơ sở năm 2024 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng thông qua và cho phép. Quyết định 2004/QĐ-YDHP ngày 30 tháng 09 năm 2024. Mã số đề tài HPMU.ĐTCS.2024.44

Các số liệu, thông tin được đảm bảo tính bí mật, chỉ nhằm mục đích phục vụ cho nghiên cứu. Các kết quả nghiên cứu, ý kiến đề xuất được sử dụng vào mục đích phục vụ sức khỏe cộng đồng, ngoài ra không phục vụ mục đích nào khác.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Kiến thức, thái độ, thực hành về hiến máu tình nguyện của sinh viên Y khoa năm 2 trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2023

3.1.1. Kiến thức hiến máu tình nguyện của đối tượng nghiên cứu

Bảng 3.1. Phân bố đối tượng nghiên cứu theo nhóm lớp, giới

Lớp	Nam		Nữ		Tổng số	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
AB	21	48,8	22	51,2	43	14,0
CD	36	38,3	58	61,7	94	30,5
EF	33	41,2	47	58,8	80	26,0
GH	47	51,6	44	48,4	91	29,5
Tổng số	137	44,5	171	55,5	308	100,0

Nhận xét: Số lượng sinh viên tham gia nghiên cứu ở các lớp tương đối đều nhau. Số sinh viên nữ cao hơn sinh viên nam với tỷ lệ 55,5% so với 44,5%.

Bảng 3.2. Kiến thức về hiến máu tình nguyện của đối tượng nghiên cứu

Kiến thức	Đạt		Không đạt		p
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	
Nam	106	77,4	31	26,6	<0,05
Nữ	159	93,0	12	7,0	
Tổng số	265	86,0	43	14,0	

Nhận xét: Tỷ lệ sinh viên có kiến thức đạt 86%. Tỷ lệ sinh viên nữ cao hơn sinh viên nam (93,0% so với 77,4%), sự khác biệt có ý nghĩa thống kê, với $p < 0,05$.

3.1.2. Thái độ của đối tượng nghiên cứu về hiến máu tình nguyện

Bảng 3.3. Quan điểm về việc hiến máu cấp cứu của đối tượng nghiên cứu

	Sẵn sàng		Không sẵn sàng		Phản văn		p
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	
Nam	118	42,8	5	71,4	14	56	>0,05
Nữ	158	57,2	2	28,6	11	44	
Tổng số	276	89,6	7	2,3	25	8,1	

Nhận xét: Tỷ lệ sinh viên sẵn sàng tham gia hiến máu cấp cứu của nam (42,8%) và nữ (57,2%), sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$).

Bảng 3.4. Động lực tham gia hiến máu tình nguyện của đối tượng nghiên cứu (n=308)

Động lực tham gia hiến máu	Số lượng	Tỉ lệ %
Giúp đỡ mọi người	280	90,9
Nhận quà	17	5,5
Làm đẹp hồ sơ	7	2,3
Nhận tiền hỗ trợ	4	1,3

Nhận xét: Động lực tham gia hiến máu của sinh viên chiếm tỷ lệ cao nhất là giúp đỡ mọi người (90,9%), tiếp đến là nhận quà (5,5%), làm đẹp hồ sơ (2,3%) và thấp nhất là lấy tiền (1,3%).

Bảng 3.5. Thái độ sẵn sàng tham gia hiến máu tình nguyện của đối tượng nghiên cứu (n=308)

Sẵn sàng		Số lượng	Tỉ lệ %
Có		276	89,6
Không		32	10,4
Lí do không	Sức khỏe không đủ đảm bảo	17	53,1

sẵn sàng	Sợ bị tiêm	7	21,9
(n=32)	Bận lịch học ôn thi	8	25,0

Nhận xét: 89,6% sinh viên có thái độ sẵn sàng tham gia hiến máu. Trong số sinh viên chưa sẵn sàng tham gia hiến máu có 53,1% sợ sức khỏe không đảm bảo; 21,9% sợ bị tiêm; 25% bận lịch học ôn thi.

Bảng 3.6. Thái độ của đối tượng nghiên cứu về các hoạt động liên quan đến buổi hiến máu tình nguyện tiếp theo (n=308)

Thái độ về hiến máu tình nguyện của đối tượng NC	Số lượng	Tỉ lệ %
Sẵn sàng hiến máu cho buổi hiến máu tiếp theo	212	68,8
Mong chờ đến buổi hiến máu tình nguyện tiếp theo	275	89,3
Khuyến khích mọi người tham gia hiến máu	295	95,8
Kêu gọi, vận động mọi người tham gia hiến máu	261	84,7

Nhận xét: Có 68,8% sinh viên sẵn sàng hiến máu cho buổi hiến máu tiếp theo; 89,3% mong chờ đến buổi hiến máu tình nguyện tiếp theo; 95,8% khuyến khích mọi người tham gia hiến máu; 84,7% kêu gọi, vận động mọi người

tham gia hiến máu.

Bảng 3.7. Thái độ chung về hiến máu tình nguyện của đối tượng nghiên cứu

Thái độ	Tích cực		Không tích cực		p
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	
Nam	109	79,6	28	20,4	<0,05
Nữ	156	91,2	15	8,8	
Tổng số	265	86,0	43	14,0	

Nhận xét: Tỷ lệ các sinh viên có thái độ tích cực cao (86,0%). Tỷ lệ sinh viên nữ có thái độ tích cực cao hơn sinh viên nam (91,2% so với 79,6%), sự khác biệt có ý nghĩa thống kê, với $p < 0,05$.

3.1.3. Thực hành hiến máu tình nguyện của đối tượng nghiên cứu

Bảng 3.8. Tỷ lệ tham gia hiến máu tình nguyện của đối tượng nghiên cứu

Thực hành	Đã tham gia hiến máu		Chưa tham gia hiến máu		p
	Số	Tỉ lệ	Số	Tỉ lệ	

Bảng 3.10. Mối liên quan giữa kiến thức với tham gia hiến máu của đối tượng nghiên cứu

	Kiến thức đạt		Kiến thức không đạt		OR (95% CI)	p
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %		
Đã hiến máu	185	84,5	34	15,5	1,63 [0,75-3,56]	>0,05
Chưa hiến máu	80	89,9	9	10,1		
Tổng số	265	86,0	43	14,0		

Nhận xét: Tỷ lệ sinh viên có kiến thức đạt (84,5%) cao hơn tỉ lệ sinh viên có kiến thức không đạt (15,5%) đã hiến máu. Sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với $OR = 1,63$ và $p > 0,05$.

Bảng 3.11. Mối liên quan hệ giữa thái độ với tham gia hiến máu của đối tượng nghiên cứu

	Thái độ tích cực		Thái độ không tích cực		OR (95% CI)	p
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %		
Đã hiến máu	199	90,9	20	9,1	1,2 [1,1-1,4]	<0,05
Chưa hiến máu	66	74,2	23	25,8		
Tổng số	256	86,0	43	14,0		

Nhận xét: Tỷ lệ sinh viên có thái độ tích cực tham gia hiến máu (90,9%) cao hơn so với tỷ lệ sinh viên chưa có thái độ tích cực (9,1%), sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $OR = 1,2$ và $p < 0,05$.

Bảng 3.12. Mối liên quan giữa tham gia câu lạc bộ vận động hiến máu với tham gia hiến máu của đối tượng nghiên cứu

	Tham gia CLB		Không tham gia CLB		OR (95% CI)	p
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %		
Đã hiến máu	90	78,3	129	66,8	1,8 [1,1-3,1]	<0,05
Chưa hiến máu	25	21,7	64	33,2		
Tổng số	115	37,3	193	62,7		

Nhận xét: Tỷ lệ sinh viên tham gia CLB hiến máu đã từng hiến máu là (78,3%) và sinh viên không tham gia CLB đã hiến máu tình nguyện (66,8%). Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $OR = 1,8$ và $p < 0,05$.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Kiến thức, thái độ, thực hành về hiến máu tình nguyện của sinh viên Y khoa năm 2

	lượng	%	lượng	%	
Nam	99	73,3	38	27,7	>0,05
Nữ	120	70,2	51	29,8	
Tổng số	219	71,1	89	28,9	

Nhận xét: Tỷ lệ đã tham gia hiến máu của nam (73,3%) cao hơn nữ (70,2%), sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$.

Bảng 3.9. Số lần tham gia hiến máu tình nguyện của đối tượng nghiên cứu

Số lần hiến máu	Nam		Nữ		p
	(n)	(%)	(n)	(%)	
1 lần	53	57,6	64	57,7	>0,05
2-3 lần	31	33,7	45	40,5	
>3 lần	8	8,7	2	1,8	
Tổng số	92	100	111	100	

Nhận xét: Sinh viên tham gia hiến máu 1 lần chiếm tỉ lệ cao nhất, không có sự khác biệt giữa sinh viên nam và nữ (57,6% so với 57,7%), với $p > 0,05$.

3.2. Một số yếu tố liên quan hiến máu tình nguyện của đối tượng nghiên cứu

Bảng 3.10. Mối liên quan giữa kiến thức với tham gia hiến máu của đối tượng nghiên cứu

	Kiến thức đạt		Kiến thức không đạt		OR (95% CI)	p
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %		
Đã hiến máu	185	84,5	34	15,5	1,63 [0,75-3,56]	>0,05
Chưa hiến máu	80	89,9	9	10,1		
Tổng số	265	86,0	43	14,0		

Nhận xét: Tỷ lệ sinh viên có kiến thức đạt (84,5%) cao hơn tỉ lệ sinh viên có kiến thức không đạt (15,5%) đã hiến máu. Sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với $OR = 1,63$ và $p > 0,05$.

Bảng 3.11. Mối liên quan hệ giữa thái độ với tham gia hiến máu của đối tượng nghiên cứu

	Thái độ tích cực		Thái độ không tích cực		OR (95% CI)	p
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %		
Đã hiến máu	199	90,9	20	9,1	1,2 [1,1-1,4]	<0,05
Chưa hiến máu	66	74,2	23	25,8		
Tổng số	256	86,0	43	14,0		

Nhận xét: Tỷ lệ sinh viên có thái độ tích cực tham gia hiến máu (90,9%) cao hơn so với tỷ lệ sinh viên chưa có thái độ tích cực (9,1%), sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $OR = 1,2$ và $p < 0,05$.

Bảng 3.12. Mối liên quan giữa tham gia câu lạc bộ vận động hiến máu với tham gia hiến máu của đối tượng nghiên cứu

	Tham gia CLB		Không tham gia CLB		OR (95% CI)	p
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %		
Đã hiến máu	90	78,3	129	66,8	1,8 [1,1-3,1]	<0,05
Chưa hiến máu	25	21,7	64	33,2		
Tổng số	115	37,3	193	62,7		

- Kiến thức: Kết quả bảng 3.2 có thể thấy phần lớn các sinh viên được lựa chọn làm đối tượng nghiên cứu đều có kiến thức đúng về hiến máu tình nguyện chiếm tỷ lệ 86% sinh viên có kiến thức đạt. Kết quả của nghiên cứu này tương đồng với nghiên cứu của Phạm Văn Trường [6] tỷ lệ sinh viên có kiến thức đạt về hiến máu tình nguyện (88,4%), tuy nhiên kết quả của chúng tôi cao hơn kết quả nghiên cứu Trịnh A Nữ Vũ Quỳnh khảo sát nhận thức về hiến máu tình

nguyên của các đối tượng trong thành phố Hồ Chí Minh là chưa cao [7]. Kết quả nghiên cứu này cho thấy, sinh viên đã có kiến thức về máu nói chung hay hiến máu tình nguyện nói riêng qua các kênh thông tin kêu gọi hiến máu như: trường học, bạn bè và người thân; nhóm tình nguyện hoặc các tổ chức xã hội cũng có thể qua tivi, radio, báo, mạng xã hội, ngân hàng máu, tờ rơi, băng rôn, mà còn với đặc thù của ngành đang theo học, việc các em đạt mức độ hiểu biết cao về chủ đề này cũng hoàn toàn phù hợp.

- **Thái độ:** Kết quả bảng 3.7 và 3.11 cho biết đa số tỷ lệ các sinh viên có thái độ tích cực về hiến máu tình nguyện (86,0%). Tỷ lệ sinh viên nữ có thái độ tích cực (91,2%) cao hơn sinh viên nam (79,6%), với $p < 0,05$. Kết quả của nghiên cứu này tương đồng với nghiên cứu của Trịnh A Vũ Như Quỳnh [7] và thấp hơn nghiên cứu của Phạm Văn Trường ở trường Cao đẳng Hậu cần I [6] 97,5% số sinh viên có thái độ tích cực về hiến máu tình nguyện.

Kết quả bảng 3.4 cho thấy, động cơ hiến máu tình nguyện của đối tượng nghiên cứu dựa trên 3 nhóm nguyên nhân tích cực, chưa tích cực và tiêu cực. Có thể thấy nhóm nguyên nhân tích cực: giúp đỡ người khác (90,9%) chiếm tỷ lệ nhiều hơn đáng kể so với nhóm nguyên nhân chưa tích cực nhận quà (5,5%) và tiêu cực: lấy tiền (1,3%) và làm đẹp hồ sơ (2,3%). Kết quả của nghiên cứu này so với nghiên cứu của Trịnh A Vũ Như Quỳnh: 72,92% có động cơ tích cực đối với hành vi hiến máu liên quan đến trách nhiệm xã hội và lòng vị tha, mong muốn giúp đỡ người khác; 9,17% người hiến máu có động cơ hiến máu tiêu cực (để nhận kết quả xét nghiệm sàng lọc máu) và 17,92% người hiến máu có động cơ hiến máu tuy không phải là tiêu cực nhưng chưa mang tính tích cực (vì nghĩ rằng tương lai sẽ có lúc cần, để biết nhóm máu, để nhận phần quà cho người hiến máu) [7].

Kết quả bảng 3.5 thể hiện phân bố tỷ lệ các yếu tố ngăn cản hiến máu hay ảnh hưởng đến việc hiến hay không hiến máu của đối tượng nghiên cứu như: sức khỏe không đủ đảm bảo, sợ bị tiêm, bận lịch học ôn thi, không thích hiến máu. Trong đó chiếm tỷ lệ đa số là các lý do sợ sức khỏe không đảm bảo (53,1%), bận lịch học ôn thi (25,0%), sợ bị tiêm (21,9 %) và còn lại là 0% sinh viên không thích hiến máu. Ở nghiên cứu của nhóm tác giả Đặng Thị Thu Hằng trên hai khối sinh viên Y2K44 và Y3K43 trường Đại học Y Dược Thái Bình cho thấy cả sinh viên năm 2 và năm 3 đều có tỷ lệ sợ ảnh hưởng đến sức khỏe là thấp nhất 2,3% với Y2 và 0,4% với Y3; tập tục tôn giáo ảnh hưởng chiếm tỷ lệ cao nhất

là 26,5% (Y2) và 21,8% (Y3) [8]. Còn ở nghiên cứu của Trịnh A Vũ Như Quỳnh trên quần thể đối tượng toàn thành phố Hồ Chí Minh với lý do "không đủ tiêu chuẩn sức khỏe" chiếm đến 92% lý do không hiến máu [7]. Nghiên cứu của Phạm Văn Trường cho thấy chủ yếu là các lý do: không có thời gian (58,5%), xa trung tâm tiếp nhận máu (22,0%), cho máu nhiều ảnh hưởng tới sức khỏe (19,5%) [6].

- **Thực hành:** Kết quả bảng 3.8 cho thấy, tỷ lệ tham gia hiến máu tình nguyện của sinh viên nam (73,3%) cao hơn so với sinh viên nữ (70,2%), với $p > 0,05$. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương đồng với nghiên cứu của Trịnh A Vũ Như Quỳnh là nam giới chiếm 53,82% số lượng mẫu [7] và nghiên cứu của nhóm tác giả Đặng Thị Thu Hằng có tỷ lệ tham gia hiến máu tình nguyện của nam và nữ lần lượt là 47,6% và 46,2% (với $p > 0,05$) [8]. Kết quả bảng 3.9 lại thể hiện tỷ lệ tham gia hiến máu nhắc lại của sinh viên nam là 33,7% đối với 2-3 lần, 8,7% đối với hơn 3 lần, và với nữ lần lượt là 40,5% và 1,8%, với $p > 0,05$.

4.2. Một số yếu tố liên quan hiến máu tình nguyện của đối tượng nghiên cứu. Kết quả bảng 3.10 cho thấy, tỷ lệ sinh viên có kiến thức đạt (84,5%) đã hiến máu cao gấp 1,63 lần tỉ lệ sinh viên có kiến thức không đạt (15,5%), tuy nhiên sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$). Điều này tương đối phù hợp với nghiên cứu của Trịnh A Vũ Như Quỳnh: tỉ lệ hiến máu của sinh viên là 53,21%, cao hơn tỉ lệ hiến máu của các nghề nghiệp khác nhưng thấp hơn tỉ lệ hiến máu của cán bộ công nhân viên [7].

Kết quả bảng 3.11 cho thấy, tỷ lệ sinh viên có thái độ tích cực tham gia hiến máu tình nguyện (90,9%) đã hiến máu cao gấp 1,2 lần so với tỷ lệ sinh viên có thái độ chưa tích cực tham gia hiến máu tình nguyện (9,1%), sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

Nghiên cứu về mối quan hệ giữa tham gia CLB hiến máu và hành vi hiến máu tình nguyện, chúng tôi thấy rằng tỷ lệ sinh viên tham gia CLB hiến máu đã từng hiến máu là 78,3% cao gấp 1,8 lần so với nhóm sinh viên không tham gia CLB đã hiến máu tình nguyện (66,8%), sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) (Bảng 3.12).

V. KẾT LUẬN

5.1. Kiến thức, thái độ, thực hành về hiến máu tình nguyện của sinh viên y khoa năm 2

- Đa số sinh viên có kiến thức đạt về hiến máu tình nguyện 86,0%,
- Tỷ lệ sinh viên có thái độ tích cực về hiến

máu tình nguyện chiếm 86,0%; 89,6% sinh viên có thái độ sẵn sàng tham gia hiến máu. Động lực tham gia hiến máu tình nguyện của sinh viên là giúp đỡ mọi người chiếm tỷ lệ cao nhất 90,9%.

- Tỷ lệ sinh viên đã từng tham gia hiến máu tình nguyện là 71,1%.

5.2. Một số yếu tố liên quan hiến máu tình nguyện của đối tượng nghiên cứu.

- Không có mối liên quan giữa nhóm sinh viên có kiến thức đạt về hiến máu nhân đạo với thực hành tham gia về hiến máu nhân đạo.

- Có mối liên quan giữa nhóm sinh viên có thái độ tích cực về hiến máu nhân đạo và nhóm tham gia CLB vận động hiến máu với thực hành tham gia hiến máu nhân đạo.

VI. KIẾN NGHỊ

- Tăng cường công tác truyền thông, cung cấp các kiến thức cơ bản về hiến máu tình nguyện, thay đổi thái độ, làm giảm bớt sự ngần ngại, nỗi lo sợ, để các sinh viên sẵn sàng, tự nguyện hiến máu tình nguyện một cách an toàn, nhân đạo.

- Phát triển và mở rộng câu lạc bộ vận động hiến máu tình nguyện của Nhà trường,

VII. LỜI CẢM ƠN

Một phần kinh phí thực hiện nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, mã số đề tài HPMU.ĐTCS.2024.44

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Guglielmetti Mugion R, Pasca MG, Di Di Pietro L, Renzi MF.** (2021), Promoting the propensity for blood donation through the understanding of its determinants. BMC Health Serv Res.; 21(1):127.
2. **Delaney M.** (2020), Blood donation for all: inclusivity is important to the blood supply. Blood Transfusion.; 19(1):1-2.
3. **Hội Chữ thập đỏ thành phố Tổng kết công tác hệ năm 2022 và sơ kết công tác Hội 9 tháng đầu năm.** Cổng thông tin điện tử Thành phố Hải Phòng. 2022. Available at: <https://haiphong.gov.vn/tin-tuc-su-kien/Hoi-Chu-thap-do-thanh-pho-Tong-ket-cong-tac-he-nam-2022-va-so-ket-cong-tac-Hoi-9-thang-dau-nam-102858.html>
4. **Dawadi P., Khadka S., Khanal MC., Thapa RK.** (2020), Blood donation practice among undergraduate students in a Tertiary Care Hospital: A descriptive cross-sectional study. J Nepal Med Assoc.; 58(232):998-1004.
5. **Bộ Y tế** (2013), Thông tư 26/2013/TT-BYT hướng dẫn hoạt động truyền máu.
6. **Phạm Văn Trường và cộng sự** (2022), Thực trạng kiến thức, thái độ về hiến máu tình nguyện của sinh viên Trường Cao đẳng Hải căn 1 và một số yếu tố liên quan, năm 2021. Tạp chí Y dược lâm sàng 108, tập 17, số đặc biệt 8/2022.
7. **Trịnh A Nữ Vũ Quỳnh** (2017), Khảo sát các yếu tố tác động đến hành vi hiến máu tình nguyện tại Tp. Hồ Chí Minh, Luận văn thạc sỹ. UEH University.
8. **Đặng Thị Thu Hằng, Nguyễn Thị Hiên và cộng sự** (2017), Tình hình hiến máu tình nguyện và một số yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động hiến máu tình nguyện tại hai khối sinh viên Y2K44 và Y3K43 trường Đại học Y Dược Thái Bình. Tạp chí Y học Việt Nam. số 2;132-136.

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KHÁNG SINH TRONG ĐIỀU TRỊ VIÊM PHỔI MẮC PHẢI CỘNG ĐỒNG Ở NGƯỜI LỚN TẠI VIỆN Y HỌC HẢI QUÂN NĂM 2024

Hoàng Thị Như Quỳnh¹, Chu Thị An¹, Nguyễn Trọng Toàn²

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng sử dụng kháng sinh và đánh giá tính phù hợp trong lựa chọn và liều dùng kháng sinh sử dụng trong điều trị viêm phổi mắc phải cộng đồng ở người lớn tại Viện Y học Hải Quân năm 2024. **Phương pháp nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang qua hồi cứu dữ liệu 101 bệnh án của bệnh nhân có chẩn đoán viêm phổi từ ngày 01/01/2024 đến ngày

31/12/2024, ≥18 tuổi, điều trị nội trú từ 2 ngày trở lên, có chỉ định sử dụng kháng sinh trong thời gian nằm viện tại Viện Y học Hải Quân. **Kết quả:** Phần lớn bệnh nhân trên 65 tuổi (64,36%), hầu hết bệnh nhân ra viện trong tình trạng đỡ, ổn định (97,03%), tỷ lệ bệnh nhân có bệnh mắc kèm là 94,05%, chủ yếu là từ 2 bệnh trở lên. Dựa vào thang điểm CURB-65, các bệnh nhân chủ yếu viêm phổi ở mức độ nhẹ (73,27%). Trong số 101 lượt phác đồ kháng sinh khởi đầu được sử dụng theo kinh nghiệm, có 78 lượt phác đồ đơn độc (77,23%), tỷ lệ bệnh nhân được cấy khuẩn và làm kháng sinh đồ là 0%. Tỷ lệ lựa chọn kháng sinh khởi đầu theo kinh nghiệm chưa phù hợp với hướng dẫn điều trị của Bộ Y Tế ở mức độ nhẹ (67,56%), mức độ trung bình (31,81%), mức độ nặng (40%); tổng liều sử dụng chưa phù hợp chiếm tỷ lệ 50,67%; tỷ lệ sử dụng liều kháng sinh trong một lần

¹Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

²Viện Y học Hải Quân

Chịu trách nhiệm chính: Hoàng Thị Như Quỳnh

Email: htnquynh@hpmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 26.9.2025

Ngày phản biện khoa học: 24.10.2025

Ngày duyệt bài: 28.11.2025